

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4-7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 năm 2024	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4 năm 2024	9-10
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính quý 4 năm 2024	11-30

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300656602, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 1 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi cổ đông sáng lập, thay đổi người đại diện theo pháp luật, tăng vốn điều lệ. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô KTB - 01, B28 KCN Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại : 02143 869 689
- Fax : 02143 869 689

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, buôn các mặt hàng hóa chất cơ bản;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phốt pho vàng và axit phốt pho ríc;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phốt pho;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh phốt pho, axit phốt pho ríc;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Khai thác quặng quắc zít.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Đào Hữu Duy Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Phạm Văn Hùng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Đặng Tiến Đức	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Vương Quốc Hùng	Ủy Viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phạm Thị Bích	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Trần Văn Cương	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024
Ông Phó Đức Tùng	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Tiến Đức	Giám đốc	Ngày 12 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Giám đốc	Ngày 12 tháng 06 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đặng Tiến Đức - chức danh: Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Chi nhánh công ty TNHH PwC (Việt Nam) tại Hà Nội đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ quý 4 năm 2024 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Đặng Tiến Đức

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VNĐ	2023 VNĐ
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	619.450.520.441	847.418.472.361
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	7.285.796.455	61.642.004.700
111	Tiền	7.285.796.455	1.642.004.700
112	Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	424.123.068.493	528.000.000.000
121	Chứng khoán kinh doanh	-	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	424.123.068.493	528.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	101.859.411.092	165.433.262.917
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	89.658.173.144	140.451.316.934
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.181.620.952	2.137.655.969
133	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	10.019.616.996	22.844.290.014
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
139	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
140	Hàng tồn kho	84.699.844.431	89.015.906.644
141	Hàng tồn kho	84.699.844.431	89.015.906.644
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác	1.482.399.970	3.327.298.100
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	995.790.133	2.960.544.618
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	366.753.482
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	486.609.837	-
154	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
155	Tài sản ngắn hạn khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200 TÀI SẢN DÀI HẠN		313.167.267.536	357.364.581.255
210 Các khoản phải thu dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
211 Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212 Trả trước cho người bán dài hạn		-	-
213 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214 Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
215 Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216 Phải thu dài hạn khác	V.9	2.000.000.000	2.000.000.000
219 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220 Tài sản cố định		287.149.386.223	333.420.833.113
221 Tài sản cố định hữu hình	V.7	287.149.386.223	333.420.833.113
222 Nguyên giá		565.042.407.218	564.207.426.170
223 Giá trị hao mòn lũy kế		(277.893.020.995)	(230.786.593.057)
224 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225 Nguyên giá		-	-
226 Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227 Tài sản cố định vô hình		-	-
228 Nguyên giá		-	-
229 Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230 Bất động sản đầu tư		-	-
231 Nguyên giá		-	-
232 Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240 Tài sản dở dang dài hạn		2.583.610.047	64.036.000
241 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	2.583.610.047	64.036.000
250 Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251 Đầu tư vào công ty con		-	-
252 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
255 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
260 Tài sản dài hạn khác		21.434.271.266	21.879.712.142
261 Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	21.434.271.266	21.879.712.142
262 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
263 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268 Tài sản dài hạn khác		-	-
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		932.617.787.977	1.204.783.053.616

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
300	NỢ PHẢI TRẢ	363.897.086.209	684.776.603.493	
310	Nợ ngắn hạn	363.897.086.209	684.776.603.493	
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	189.097.605.148	24.207.294.403
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	2.201.556.760	26.524.379.435
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.468.090.642	2.700.007.553
314	Phải trả người lao động		14.791.530.380	23.103.138.282
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	117.464.646	4.686.640.653
316	Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.13	603.202.803	225.404.934.114
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	84.758.485.633	316.639.439.733
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	69.859.150.197	61.510.769.320
323	Quỹ bình ổn giá		-	-
324	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	Nợ dài hạn		-	-
331	Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	Phải trả dài hạn khác		-	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
339	Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
342	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	568.720.701.768	520.006.450.123
410	Vốn chủ sở hữu	568.720.701.768	520.006.450.123
411	Vốn góp của chủ sở hữu	250.000.000.000	250.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	250.000.000.000	250.000.000.000
411b	Cổ phiếu ưu đãi	-	-
412	Thặng dư vốn cổ phần	-	-
413	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
414	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
415	Cổ phiếu quỹ	-	-
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	Quỹ đầu tư phát triển	228.779.348.646	209.414.785.539
419	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.941.353.122	60.591.664.584
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này	89.941.353.122	60.591.664.584
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
431	Nguồn kinh phí	-	-
432	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	932.617.787.977	1.204.783.053.616

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Phương

Giám đốc



Đặng Tiến Đức

Công ty Cổ Phần Phốt Pho Apatit Việt namĐịa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Lương, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2024**PAC****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

QUÝ 4 NĂM 2024

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	428.257.335.965	362.907.309.597	1.721.435.530.826	1.710.610.589.564	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		428.257.335.965	362.907.309.597	1.721.435.530.826	1.710.610.589.564	1.344.396.287.199
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	323.842.650.629	295.494.508.807	1.358.226.176.340	1.344.396.287.199	366.214.302.365
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.414.685.336	67.412.800.790	363.209.354.486	366.214.302.365	53.185.135.550
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.542.674.763	13.648.162.570	49.310.500.450	18.231.088.409	6.952.894.581
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	2.796.691.875	5.886.472.249	18.988.125.121	17.943.676.564	300.756.637.879
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		819.579.539	2.388.546.785	4.308.464.193	3.751.924.789	-
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	24.430.130.258	14.102.433.665	98.878.900.321	82.468.035.063	17.943.676.564
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.299.443.032	6.856.947.981	15.494.647.867	17.943.676.564	300.756.637.879
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.431.094.934	54.215.109.465	279.158.181.627	300.756.637.879	3.751.924.789
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	-	3.751.924.789	-	3.751.924.789	-
12.	Chi phí khác	32	VI.8	-	3.013.800.000	-	3.751.924.789	-
13.	Lợi nhuận khác	40		-	738.124.789	-	3.751.924.789	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.431.094.934	54.953.234.254	279.158.181.627	300.756.637.879	15.164.973.295
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.424.237.794	2.814.829.307	14.216.828.505	15.164.973.295	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		81.006.857.140	52.138.404.947	264.941.353.122	285.591.664.584	10.775
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.046	1.960	9.962	10.775	10.775
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.046	1.960	9.962	10.775	10.775

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Phạm Thị Thu Loan

Phạm Thị Bích Phương

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2025



Đặng Tiến Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUÝ 4

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		279.158.181.627	300.756.637.879
2. Điều chỉnh cho các khoản:			-	-
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	47.106.427.938	48.341.285.903
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(321.861.939)	1.949.600.777
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		23.285.764.170	(33.694.213.707)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.308.464.193	6.952.894.581
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		353.536.975.989	324.306.205.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.489.788.703	9.451.416.443
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.316.062.213	(21.695.817.335)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		124.687.930.111	15.186.455.489
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.410.195.361	(133.008.120)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.116.770.554)	(8.129.197.167)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.474.045.864)	(25.409.518.896)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(7.878.720.600)	(6.792.125.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		463.971.415.359	286.784.410.647
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(834.981.048)	(3.283.970.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.751.924.789
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(354.123.068.493)	(560.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		458.000.000.000	385.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		35.582.684.930	26.114.268.154
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		138.624.635.389	(148.417.777.229)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	541.269.721.009	565.754.753.171		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(773.217.641.444)	(329.267.407.230)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(425.000.000.000)	(516.375.000.000)		
			-	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(656.947.920.435)	(279.887.654.059)		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(54.351.869.687)	(141.521.020.641)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61.642.004.700	203.163.595.618		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.338.558)	(570.277)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.285.796.455	61.642.004.700		

Người lập biểu

Phạm Thị Thu Loan

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích Phương

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Giám đốc



Đặng Tiến Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loàng, thị trấn Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất phốt pho vàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do tình hình thị trường thế giới, doanh thu quý 4 tăng so với cùng kỳ năm trước, sản lượng tiêu thụ tăng, giá bán cũng tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 256 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 252 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính và chi phí điện, nước phục vụ sản xuất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Riêng vật tư xuất dùng để lắp đặt, sửa chữa được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí vận chuyển, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí vận chuyển

Chi phí vận chuyển hàng bán từ kho của Công ty đến cảng biển được kết chuyển vào chi phí bán hàng khi hàng hóa đã hoàn thành thủ tục hải quan và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí tháo dỡ, san lấp mặt bằng

Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng khu đất công nghiệp để xây dựng nhà máy Phốt pho vàng và xây dựng bãi thải, xử lý chất thải được phân bổ vào chi phí trong thời gian lần lượt là 194 tháng và 190 tháng đến hết thời hạn thuê đất (*Xem thuyết minh V.6b*).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	268.272.997	292.983.251
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.017.523.458	1.349.021.449
Các khoản tương đương tiền(*)		60.000.000.000
Cộng	7.285.796.455	61.642.004.700

(*) Số dư cuối kỳ của các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của công ty chỉ gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	424.123.068.493	528.000.000.000
Cộng	424.123.068.493	528.000.000.000

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại trong nước với kỳ hạn gốc từ 9 đến 12 tháng và lãi suất từ 4,4% đến 5,5% một năm (2023: 4,7 đến 9,2% một năm).

Tại ngày 31.12.2024, một khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng với giá trị 70 tỷ VND tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho việc phát hành Thư bảo lãnh cho mục đích đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền điện.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	89.981.694
Công ty cổ phần tập đoàn hoá chất Đức Giang	-	38.610.000
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	-	51.371.694
Phải thu các khách hàng khác	89.658.173.144	140.361.335.240
UPL LIMITED	-	136.732.751.232
FOSFOQUIM S.A.	-	3.166.681.190
K S INTERNATIONAL	28.806.113.749	-
Italmatch Chemicals S.P.A	41.209.632.000	-
Các khách hàng khác	19.642.427.395	461.902.818
Cộng	89.658.173.144	140.451.316.934

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loàng, thị trấn Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Văn Giang - Vân Nam	2.000.236.152	1.776.753.369
Các nhà cung cấp khác	181.384.800	360.902.600
Cộng	2.181.620.952	2.137.655.969

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Thuế xuất khẩu đã nộp của hàng hóa chờ thông quan	-	-	544.418.698	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	9.959.005.263	-	22.255.926.023	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	60.611.733	-	43.945.293	-
Cộng	10.019.616.996	-	22.844.290.014	-

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.754.934.861	-	19.499.236.099	-
Công cụ, dụng cụ	12.731.184	-	1.296.548	-
Thành phẩm	65.932.178.386	-	69.515.373.997	-
Cộng	84.699.844.431	-	89.015.906.644	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	694.598.313	2.889.319.163
Chi phí vận chuyển	301.191.820	71.225.455
Cộng	995.790.133	2.960.544.618

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất thuê làm nhà máy ⁽ⁱ⁾	4.799.561.713	5.287.652.726
Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất thuê làm bãi thải xỉ ⁽ⁱⁱ⁾	11.206.827.886	12.346.505.314
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.427.881.667	4.245.554.102
Cộng	21.434.271.266	21.879.712.142

(i) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng khu đất công nghiệp để xây dựng nhà máy Phốt pho vàng công suất 20.000 tấn/năm theo hợp đồng thuê đất số 06/HĐTĐ ngày 21/01/2016 thuê đất của UBND tỉnh Lào Cai, tiền thuê trả hàng năm, thời gian thuê từ ngày 31/12/2014 đến 23/10/2034. Đây là khoản chi phí góp vốn từ Công ty Apatit Việt Nam theo Biên bản quyết toán giá trị góp vốn đầu tư bằng tài sản vào Công ty Cổ phần Phốt pho

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Apatit Việt Nam số 05/BC-TKKTTC ngày 10/01/2016. Chi phí này được phân bổ trong thời gian 194 tháng kể từ ngày 01/09/2018 đến hết thời hạn thuê đất.

- (ii) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng khu đất công nghiệp để xây dựng bãi thải, xử lý chất thải theo hợp đồng thuê đất số 61/HĐTD ngày 28/12/2015 thuê đất của UBND tỉnh Lào Cai, tiền thuê trả hàng năm, thời gian thuê từ ngày 21/09/2015 đến 23/10/2034. Chi phí này được phân bổ trong thời gian 190 tháng kể từ ngày 01/01/2019 đến hết thời hạn thuê đất.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	300.295.843.947	232.571.473.880	30.835.388.724	504.719.619	564.207.426.170
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	834.981.048	-	-	834.981.048
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	303.379.752.945	233.406.454.928	30.835.388.724	504.719.619	565.042.407.218

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			27.965.018.353	33.283.636	27.998.301.989
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	96.470.285.445	108.469.976.240	25.562.632.612	283.698.760	230.786.593.057
Khấu hao trong năm	18.913.709.295	24.482.095.584	3.663.453.682	47.169.376	47.106.427.938
Thanh lý, nhượng bán		-			-
Số cuối kỳ	115.383.994.741	132.952.071.824	29.226.086.294	330.868.136	277.893.020.995

Giá trị còn lại

Số đầu năm	203.825.558.502	124.101.497.640	5.272.756.112	221.020.859	333.420.833.113
Số cuối kỳ	184.911.849.206	100.454.383.104	1.609.302.430	173.851.483	287.149.386.223

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	64.036.000	-	-	-	64.036.000
<i>Dự án sản xuất Photpho đỏ</i>	<i>64.036.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>64.036.000</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	4.563.526.718	-	(4.563.526.718)	2.519.574.047
Cộng	64.036.000	4.563.526.718	-	(4.563.526.718)	2.583.610.047

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	162.140.166.506	6.191.693.051
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	460.268.509	-
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	161.592.955.397	6.187.075.052
Công ty TNHH Văn Minh	86.942.600	4.617.999
Phải trả các nhà cung cấp khác	26.957.438.642	18.015.601.352
Công ty CP dịch vụ năng lượng SBM - CN Lào Cai	11.013.336.180	7.113.221.140
Công ty TNHH SX & XNK Bao Bì	1.680.000.000	1.723.691.000
Các nhà cung cấp khác	14.264.102.462	9.178.689.212
Cộng	189.097.605.148	24.207.294.403

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương Mại và Công nghiệp Á Châu	-	163.490.513
K S INTERNATIONAL	-	26.357.921.762
FOSFOQUIM S.A.	2.192.313.600	-
Các khách hàng khác	9.243.160	2.967.160
Cộng	2.201.556.760	26.524.379.435

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ		
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Bù trừ thuế nộp thừa	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	28.803.866.321	(27.719.189.257)	-	1.085.334.706	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	865.180.466	(865.180.466)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	69.296.248.545	(69.296.248.545)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.639.973.295	-	14.216.828.505	(15.474.045.864)	-	1.382.755.936	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.034.258	-	13.681.546.945	(14.228.191.040)	-	-	486.609.837
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Cộng	2.700.007.553	-	126.866.670.782	(127.585.855.172)	-	2.468.090.642	486.609.837

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Photpho xuất khẩu
Không chịu thuế
- Photpho bán trong nước
10%
- Ferro bán trong nước và hàng hóa khác
10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 2486541018 ngày 03 tháng 5 năm 2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất Phốt pho vàng (lò sản xuất Phốt pho số 5 và 6) đi vào hoạt động (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2018 đến năm 2021) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2022 đến năm 2030).

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	279.158.181.627	300.756.637.879
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.232.582.225	2.042.828.025
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.232.582.225	2.042.828.025
Thu nhập chịu thuế	280.390.763.852	302.799.465.904
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	56.078.152.770	60.559.893.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(27.907.549.510)	(30.279.946.590)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(13.953.774.755)	(15.139.973.295)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.216.828.505	15.164.973.295

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	42.914.646	61.592.740
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	74.550.000	4.625.047.913
Cộng	117.464.646	4.686.640.653

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	152.373.789.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai - Cổ tức phải trả	-	114.753.798.000
Ông Đào Hữu Huyền- Cổ tức phải trả	-	17.294.994.000
Ông Đào Hữu Duy Anh - Cổ tức phải trả	-	20.324.997.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	603.202.803	73.031.145.114
Cổ tức phải trả	-	72.626.211.000
Tiền nhận đặt cọc lao động	210.000.000	220.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	393.202.803	184.934.114
Cộng	603.202.803	225.404.934.114

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	84.758.485.633	316.639.439.733
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hà Thành VNĐ ⁽ⁱ⁾	71.696.983.058	32.965.983.893
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hà Thành USD	13.061.502.575	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chiết khấu LC	-	136.896.793.018
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VNĐ	-	70.544.731.116
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	54.483.869.916
Ngân hàng TMCP Shinhan CN Phạm Hùng - Vay ngắn hạn	-	21.748.061.790
Cộng	84.758.485.633	316.639.439.733

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Hà Thành theo hợp đồng số 01/2024/12793555/HĐTD ngày 16/05/2024 hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VNĐ (Hai trăm tỷ đồng) gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở LC phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	316.639.439.733	316.639.439.733
Số tiền vay phát sinh	541.269.721.009	541.269.721.009
Tăng/(giảm) do chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số tiền vay đã trả	(773.217.641.444)	(773.217.641.444)
Tăng/(giảm) do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	66.966.335	66.966.335
Số cuối năm	84.758.485.633	84.758.485.633

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ phúc lợi, khen thưởng

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	35.450.551.739	8.113.550.739	(1.865.000.000)	41.699.102.478
Quỹ phúc lợi	26.060.217.581	8.113.550.738	(6.013.720.600)	28.160.047.719
Cộng	61.510.769.320	16.227.101.477	(7.878.720.600)	69.859.150.197

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	250.000.000.000	67.278.744.713	463.253.159.247	780.531.903.960
Lợi nhuận trong năm trước			285.591.664.584	285.591.664.584
Tạm ứng cổ tức			(491.375.000.000)	(491.375.000.000)
Trích lập các quỹ		142.136.040.826	(196.878.159.247)	(54.742.118.421)
Số dư cuối năm trước	250.000.000.000	209.414.785.539	60.591.664.584	520.006.450.123
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	209.414.785.539	60.591.664.584	520.006.450.123
Lợi nhuận trong năm nay			264.941.353.122	264.941.353.122
Chia cổ tức			(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Trích lập các quỹ		19.364.563.107	(35.591.664.584)	(16.227.101.477)
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	228.779.348.646	89.941.353.122	568.720.701.768

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	127.504.220.000	127.504.220.000
Ông Đào Hữu Duy Anh	22.583.330.000	22.583.330.000
Ông Đào Hữu Huyền	19.216.660.000	19.216.660.000
Các cổ đông khác	80.695.790.000	80.695.790.000
Cộng	250.000.000.000	250.000.000.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.000.000	25.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 19.364.563.107
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 16.227.101.477
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024 thông qua phương án phân chia lợi nhuận, cổ tức còn lại năm 2023 bằng tiền, 10%/cổ phần.	
- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2024/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2024 thông qua phương án phân tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ động hiện hữu, 70%/cổ phần.	

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	10.568,15	4.684,68
Eur	72.76	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	88.376.570.919	2.813.906.720
Doanh thu bán thành phẩm	1.633.058.959.907	1.707.796.682.844
Cộng	1.721.435.530.826	1.710.610.589.564

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần tập đoàn hoá chất Đức Giang	1.245.151.200	1.012.139.700
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	313.003.697.821	660.168.281.590
Công ty TNHH Văn Minh		20.580.000
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	11.253.574.448	746.897.350
Công ty TNHH MTV hoá chất Đức Giang – Đắc Nông	1.288.571.490	4.425.328.550

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.635.185.112	2.855.432.042
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.270.590.991.228	1.341.540.855.157
Cộng	1.358.226.176.340	1.344.396.287.199

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	23.285.764.170	33.694.213.707
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.164.915	9.870.895
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	25.691.709.426	19.481.050.948
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	321.861.939	
Cộng	49.310.500.450	53.185.135.550

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.308.464.193	6.952.894.581
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.679.660.928	9.328.593.051
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.949.600.777
Cộng	18.988.125.121	18.231.088.409

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	902.956.208	176.405.000
Chi phí vận chuyển	67.712.599.838	37.965.031.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.003.284.541	44.195.875.170
Các chi phí khác	260.059.734	130.723.605
Cộng	98.878.900.321	82.468.035.063

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm tới cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.359.716.543	13.067.726.405
Chi phí vật liệu quản lý	488.091.024	561.972.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.365.633.908	2.365.633.908
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.967.494.536	1.508.925.538
Các chi phí khác	310.711.856	436.418.070
Cộng	15.494.647.867	17.943.676.564

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho số phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	264.941.353.122	285.591.664.584
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(15.896.481.187)	(16.227.101.477)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(15.896.481.187)	(16.227.101.477)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	249.044.871.934	269.364.563.106
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.962	10.775

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	25.000.000	25.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.000.000	25.000.000

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	756.435.484.147	852.027.428.008
Chi phí nhân công	78.001.069.231	86.465.100.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	47.106.427.938	48.341.285.903
Chi phí dịch vụ mua ngoài	491.663.151.319	466.409.941.398
Chi phí khác	7.442.344.568	8.336.718.791
Cộng	1.380.648.477.203	1.461.580.474.739

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị, số dư cuối kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch HĐQT <i>Cổ tức phải trả</i>	-	-
Ông Đào Hữu Duy Anh - Thành viên HĐQT <i>Cổ tức phải trả</i>	-	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

	2024 VNĐ	2023 VNĐ
Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Tiến Đức – Thành viên HĐQT/Giám đốc	2.132.935.230	2.075.688.475
Ông Phạm Văn Hùng – Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Vương Quốc Hùng – Thành viên HĐQT	84.000.000	63.000.000
Ông Nguyễn Hùng Cường – Phó giám đốc	363.303.462	1.128.676.538
Bà Phạm Thị Bích Phương – Kế toán trưởng	920.573.678	889.066.167
Bà Phạm Thị Bích – Trưởng Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Ông Trần Văn Cương – Thành viên Ban Kiểm soát	448.373.294	452.348.895
Ông Phó Đức Tùng – Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
	<u>4.333.185.664</u>	<u>4.992.780.075</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Chủ sở hữu của Công ty mẹ
Công ty TNHH Văn Minh	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đình Vũ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần ắc Quy Tia Sáng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đắk Nông	Công ty trong cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC)		
Mua hàng của DGC	27.763.456	29.426.526
Dịch vụ vận chuyển của DGC	5.284.438.182	788.506.364
Bán thành phẩm	1.245.151.200	1.012.139.700
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DLC)		
Mua hàng của DLC	533.621.926.334	622.408.419.456
Bán hàng hoá cho DLC	15.029.144.131	1.908.973.870
Bán thành phẩm	297.974.553.690	658.259.307.720
Chia cổ tức cho DLC	114.064.203.000	134.457.006.645
Công ty TNHH Văn Minh		
Nhập mua vật tư, đồ thí nghiệm	362.695.605	271.131.089
Bán thành phẩm	-	20.580.000
Công ty TNHH MTV Phốt pho 6		
Bán hàng hoá cho Phốt pho 6	11.253.574.448	746.897.350
Thanh lý tài sản cố định	-	3.751.924.789
Mua hàng hoá của Phốt pho 6	92.588.802.584	
Công ty Cổ Phần ắc Quy Tia Sáng		
Mua hàng của công ty Tia Sáng	5.100.000	43.487.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.9, V.13 và V.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỐT PHO APATIT VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loàng, thị trấn Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu



Phạm Thị Thu Loan

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích Phương

Giám đốc



Đặng Tiến Đức